

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY XÂY LẬP DẦU KHÍ NGHỆ AN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2016**  
**ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2016**

---

Tháng 8 năm 2016

**MỤC LỤC**

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 40

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Phan Hải Triều	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Bàng	Ủy viên
Ông Đồng Xuân Bình	Ủy viên
Ông Bùi Tiến Thành	Ủy viên
Ông Phan Quốc Hùng	Ủy viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Ngọc Bàng	Tổng Giám đốc
Ông Đồng Xuân Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Phi Hùng	Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 30 tháng 05 năm 2016)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc.



**Nguyễn Ngọc Bằng**  
**Tổng Giám đốc**  
Ngày 29 tháng 08 năm 2016





# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội  
Address: 15<sup>th</sup> Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi  
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 37.08/2016/BCSX-IFC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các cổ đông,  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An, được lập ngày 29 tháng 08 năm 2016, từ trang 5 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày 30 tháng 06 năm 2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện. Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở đưa ra kết luận trái ngược

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 được hợp nhất dựa trên cơ sở Báo cáo tài chính của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Tổng công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An và các công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch Dầu khí Nghệ An, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Dầu khí Nghệ An và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Hà Tĩnh. Báo cáo tài chính của các công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 chưa được soát xét. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được các ảnh hưởng tới Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục. Tuy nhiên, tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, nợ ngắn hạn vượt tài sản ngắn hạn với số tiền là 72.256.917.820 đồng, đồng thời lỗ lũy kế của Công ty là 254.806.373.478 đồng. Ban Tổng Giám đốc đã xây dựng phương án kinh doanh để đảm bảo khả năng thanh toán của Công ty trong thời gian ít nhất một năm tới. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có do ảnh hưởng phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này. Do bản chất của sự việc, chúng tôi không thu thập được các bằng chứng kiểm toán hữu hiệu để đánh giá sự phù hợp của giả định hoạt động liên tục của Công ty. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về vấn đề này và ảnh hưởng của vấn đề này đến quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến 30 tháng 06 năm 2016.



**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**Cơ sở đưa ra kết luận trái ngược (Tiếp theo)**

Công ty chưa trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi với số tiền 14.985.521.536 đồng. Theo đó, chỉ tiêu dự phòng công nợ phải thu khó đòi trên bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và chỉ tiêu chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 bị ghi thiếu với số tiền tương ứng.

**Kết luận trái ngược**

Công việc soát xét của chúng tôi cho thấy rằng, do ảnh hưởng của các vấn đề được trình bày tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận trái ngược”, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



**Nguyễn Nam Cường**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1950-2013-072-01

*Thay mặt và đại diện cho*

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài  
chính Quốc tế (IFC)**

*Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2016*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016**

MẪU SỐ B 01A-DN/HN  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>459.660.689.528</b>	<b>459.170.287.479</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>756.602.778</b>	<b>4.635.828.900</b>
1. Tiền	111		756.602.778	4.635.828.900
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>365.184.973.650</b>	<b>361.022.490.572</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	48.828.491.005	53.711.906.229
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	40.041.726.127	40.091.726.127
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		10.618.384.771	10.618.384.771
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	37.700.630.964	37.800.630.964
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	244.227.027.839	233.731.129.537
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(16.231.287.056)	(14.931.287.056)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.8</b>	<b>90.805.310.256</b>	<b>90.720.360.620</b>
1. Hàng tồn kho	141		90.805.310.256	90.720.360.620
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.913.802.844</b>	<b>2.791.607.387</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	2.220.699.022	2.160.769.710
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		693.103.822	630.837.677
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>238.386.288.006</b>	<b>245.262.384.104</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>159.745.506.000</b>	<b>165.662.044.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	159.745.506.000	165.662.044.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>38.769.301.926</b>	<b>40.263.529.245</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	38.553.790.080	39.908.712.777
- Nguyên giá	222		76.053.292.701	76.053.292.701
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(37.499.502.621)	(36.144.579.924)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	215.511.846	354.816.468
- Nguyên giá	228		1.509.038.220	1.509.038.220
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.293.526.374)	(1.154.221.752)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.671.233.910</b>	<b>1.671.233.910</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	1.671.233.910	1.671.233.910
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>11.774.895.701</b>	<b>11.774.895.701</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.13	11.774.895.701	11.774.895.701
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>26.425.350.469</b>	<b>25.890.681.248</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	17.803.696.532	16.087.577.738
2. Lợi thuế thương mại	269	V.12	8.621.653.937	9.803.103.510
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>698.046.977.534</b>	<b>704.432.671.583</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

MẪU SỐ B 01A-DN/HN  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>703.087.375.563</b>	<b>704.863.919.930</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>531.917.607.348</b>	<b>527.777.613.715</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	144.990.659.428	145.366.069.143
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	129.963.231.537	127.153.231.537
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	18.436.743.344	17.957.340.629
4. Phải trả người lao động	314		9.268.134.089	9.214.086.606
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	30.332.823.964	30.332.823.964
6. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		10.801.668.182	10.801.668.182
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	87.415.721.972	81.354.327.844
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	80.384.325.031	85.223.066.009
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		20.324.299.801	20.374.999.801
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>171.169.768.215</b>	<b>177.086.306.215</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		2.899.999.973	2.899.999.973
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.18	168.269.768.242	174.186.306.242
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>(5.040.398.029)</b>	<b>(431.248.347)</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20</b>	<b>(5.040.398.029)</b>	<b>(431.248.347)</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		218.460.000.000	218.460.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		218.460.000.000	218.460.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.000.000.000	5.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		380.952.382	380.952.382
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		23.453.682.587	23.453.682.587
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(254.806.373.478)	(250.197.223.796)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(250.197.223.796)	(242.171.780.161)
- LNST chưa phân phối kỳ nay	421b		(4.609.149.682)	(8.025.443.635)
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.471.340.480	2.471.340.480
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>698.046.977.534</b>	<b>704.432.671.583</b>



Nguyễn Ngọc Bằng  
Tổng Giám đốc  
Ngày 29 tháng 08 năm 2016

Nguyễn Văn Phúc  
Kế toán trưởng

Trần Thị Hồng Anh  
Người lập



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến 30 tháng 06 năm 2016

MẪU SỐ B 02A-DN/HN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	511.819.977	76.456.080.186
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	319.956.301
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		511.819.977	76.136.123.885
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	406.979.018	68.630.096.960
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		104.840.959	7.506.026.925
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.148.877	4.047.429.568
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	318.288.233	13.136.519.366
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		318.288.233	12.971.013.914
8. Lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	485.339.969
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	5.094.932.831	10.886.477.341
11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(5.307.231.228)	(12.954.880.183)
12. Thu nhập khác	31	VI.6	698.481.546	11.259.387.403
13. Chi phí khác	32	VI.7	400.000	4.852.719.332
14. Lợi nhuận khác	40		698.081.546	6.406.668.071
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(4.609.149.682)	(6.548.212.112)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	1.455.677.013
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(4.609.149.682)	(8.003.889.125)
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		(4.609.149.682)	(8.025.443.635)
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	21.554.510
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	(211)	(367)
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		(211)	(367)



Nguyễn Ngọc Bảng  
Tổng Giám đốc  
Ngày 29 tháng 08 năm 2016

Nguyễn Văn Phúc  
Kế toán trưởng

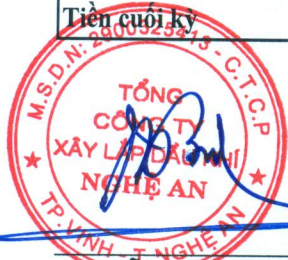
Trần Thị Hồng Anh  
Người lập



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến 30 tháng 06 năm 2016

MẪU SỐ B 03A-DN/HN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	(4.609.149.682)	(6.548.212.112)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	312.777.746	3.659.290.439
Các khoản dự phòng	03	1.300.000.000	-
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.148.877)	(7.448.113.986)
Chi phí lãi vay	06	316.804.333	12.971.013.914
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(2.680.716.480)	2.633.978.255
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	391.788.777	(39.934.887.810)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(84.949.636)	79.949.778.313
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	4.243.646.184	(37.381.814.008)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(594.598.533)	(4.260.283.093)
Tiền lãi vay đã trả	14	(316.804.333)	(316.804.333)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	958.365.979	689.967.324
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	9.181.818.181
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	8.082.432.615
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.148.877	240.553.652
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.148.877	17.504.804.448
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	10.548.000.000	(4.271.509.733)
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(15.386.740.978)	(15.386.740.978)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.838.740.978)	(19.658.250.711)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(3.879.226.122)	(1.463.478.939)
Tiền đầu kỳ	60	4.635.828.900	6.039.680.140
Tiền cuối kỳ	70	756.602.778	4.576.201.201



**Nguyễn Ngọc Bằng**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 29 tháng 08 năm 2016

**Nguyễn Văn Phúc**  
Kế toán trưởng

**Trần Thị Hồng Anh**  
Người lập



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MÃ SỐ B 09A-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Quyết định số 284/QĐ-UB-ĐMDN ngày 19 tháng 01 năm 2005 của UBND tỉnh Nghệ An. Tiền thân của Công ty là Công ty Xây dựng số 1 Nghệ An thuộc Sở Xây dựng Nghệ An. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703000523 ngày 12 tháng 03 năm 1997, đăng ký cổ phần hoá ngày 22 tháng 03 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 08 tháng 05 năm 2006 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Nghệ An cấp với tổng số vốn điều lệ của Công ty là 10.000.000.000 đồng, và đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư số 1 Nghệ An.

Ngày 4 tháng 5 năm 2007, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tiếp nhận Công ty là đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam theo Quyết định số 2397/QĐ-DKVN của Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Theo đó, Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư số 1 Nghệ An đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An. Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703000523 ngày 12 tháng 03 năm 1997, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 20 tháng 10 năm 2008 với tổng số vốn điều lệ là 45.000.000.000 đồng.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 10 tháng 4 năm 2009, Công ty đã thống nhất phương án tăng vốn điều lệ từ 45 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng. Trong năm 2009, Công ty đã hoàn thành đợt tăng vốn này.

Ngày 08 tháng 10 năm 2010, Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An.

Theo nghị quyết số 41/NQ-PVNC ngày 29 tháng 04 năm 2011 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tổng công ty xây lắp Dầu khí Nghệ An về việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 100 tỷ lên 600 tỷ. Trong năm 2011 công ty đã hoàn thành việc tăng vốn từ 100 tỷ lên 218,46 tỷ đồng.

Hiện tại Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần sửa đổi lần thứ 15 ngày 22 tháng 02 năm 2012 với số vốn điều lệ là 218.460.000.000 đồng.

**Hoạt động chính của Công ty:**

- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, điện năng (đường dây, trạm hạ thế dưới 110 KV), công trình nhà ở, công sở, thương mại, công trình cấp thoát nước;
- Sản xuất mua bán vật liệu xây dựng;
- Tư vấn theo dõi, giám sát thi công các công trình xây dựng;
- Mua bán các thiết bị ngành điện, nước, sơn các loại, xe máy, đồ gỗ dân dụng, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành, ăn uống;
- Cho thuê văn phòng làm việc;
- Đào tạo nghề ngắn hạn, dịch vụ công nghệ thông tin, dịch vụ cung ứng lao động cho các doanh nghiệp xuất khẩu lao động;
- Khai thác chế biến mua bán khoáng sản (đá, cát, sỏi, quặng các loại...);
- Kinh doanh phân bón nông nghiệp, các sản phẩm từ nông sản, dịch vụ cây giống;
- Kinh doanh các loại sản phẩm từ gỗ, khai thác và sơ chế gỗ, đồ mỹ nghệ;
- Đầu tư kinh doanh kho công nghiệp, khu đô thị, thủy điện dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy điện, điện năng, công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Trang trí nội thất, tư vấn thiết kế công trình dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh xăng dầu;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, tư vấn đấu thầu, tư vấn quản lý dự án.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MÃ SỐ B 09A-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**

**Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Đối với hoạt động xây lắp chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian trên 12 tháng.

Đối với hoạt động dịch vụ chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Công ty có 03 (ba) công ty con. Chi tiết thông tin về các công ty con của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ như sau:

1. Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch Dầu khí Nghệ An  
Địa chỉ: Khối 14, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.  
Hoạt động chính: Kinh doanh khách sạn, nhà hàng.  
Giá trị đầu tư: 54.450.000.000 đồng.  
Tỷ lệ lợi ích: 99%.  
Tỷ lệ biểu quyết: 99%.
2. Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Hà Tĩnh  
Địa chỉ: 415 Đường Trần Phú, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh  
Hoạt động chính: Xây dựng nhà, công trình giao thông, thủy lợi, đầu tư khu đô thị  
Giá trị đầu tư: 681.927.274 đồng.  
Tỷ lệ lợi ích: 35,12%.  
Tỷ lệ biểu quyết: 51%.
3. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Dầu khí Nghệ An  
Địa chỉ: 45 Đường Trần Phú, thành phố Vinh - Nghệ An  
Hoạt động chính: Xây dựng nhà, đầu tư khu đô thị  
Giá trị đầu tư: 350.000.000 đồng  
Tỷ lệ lợi ích: 23,86%.  
Tỷ lệ biểu quyết: 51%.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Công ty có 01 công ty liên kết và 01 công ty liên doanh. Chi tiết thông tin về các công ty con của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ như sau:

1. Công ty CP Đầu tư Đô thị Dầu khí Cửa Lò  
Địa chỉ: 45 Đường Trần Phú, thành phố Vinh - Nghệ An  
Hoạt động chính: Kinh doanh khu du lịch, nghỉ dưỡng; khách sạn; du lịch lữ hành nội địa; kinh doanh nhà hàng.  
Giá trị đầu tư: 1.274.875.901 đồng  
Tỷ lệ lợi ích: 1%.  
Tỷ lệ biểu quyết: 49%.  
Công ty đã đóng mã số thuế và tạm ngừng hoạt động theo thông báo của Cục thuế Nghệ An.
2. Công ty CP Đầu tư Đô thị Dầu khí Quang Trung  
Địa chỉ: Khu A chung cư Quang Trung, Quang Trung, thành phố Vinh - Nghệ An  
Hoạt động chính: Xây dựng nhà, đầu tư khu đô thị  
Giá trị đầu tư: 10.500.019.800 đồng



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09A-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục. Tuy nhiên, Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, tổng cộng nợ ngắn hạn vượt tài sản ngắn hạn với số tiền là 70.956.917.820 đồng, đồng thời lỗ lũy kế của Công ty là 253.506.373.478 đồng. Ban Tổng Giám đốc đã xây dựng phương án kinh doanh để đảm bảo khả năng thanh toán của Công ty trong thời gian ít nhất một năm tới. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có do ảnh hưởng phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016.

**III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam theo quy định tại thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MÃ SỐ B 09A-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 06 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu hợp nhất biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Công ty có 03 (ba) công ty con. Chi tiết thông tin về các công ty con của Công ty được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

1. Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch Dầu khí Nghệ An  
Địa chỉ: Khối 14, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.  
Hoạt động chính: Kinh doanh khách sạn, nhà hàng.  
Giá trị đầu tư: 54.450.000.000 đồng.  
Tỷ lệ lợi ích: 99%.  
Tỷ lệ biểu quyết: 99%.
2. Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Hà Tĩnh  
Địa chỉ: 415 Đường Trần Phú, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh  
Hoạt động chính: Xây dựng nhà, công trình giao thông, thủy lợi, đầu tư khu đô thị  
Giá trị đầu tư: 681.927.274 đồng.  
Tỷ lệ lợi ích: 35,12%.  
Tỷ lệ biểu quyết: 51%.
3. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Dầu khí Nghệ An  
Địa chỉ: 45 Đường Trần Phú, thành phố Vinh - Nghệ An  
Hoạt động chính: Xây dựng nhà, đầu tư khu đô thị  
Giá trị đầu tư: 350.000.000 đồng  
Tỷ lệ lợi ích: 23,86%.  
Tỷ lệ biểu quyết: 51%.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MÃ SỐ B 09A-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

**Góp vốn liên doanh**

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09A-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Góp vốn liên doanh (Tiếp theo)**

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày hợp nhất như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09A-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MÃ SỐ B 09A-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 20
Máy móc, thiết bị	03 - 19
Phương tiện vận tải	05 - 07
Thiết bị văn phòng	03 - 06
Tài sản khác	03 - 07

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09A-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoài trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay hợp nhất phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09A-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ lũy kế, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế và không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa theo thuế suất dự tính sẽ được áp dụng cho năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được tính hoặc ghi nhận vào Báo cáo Kết quả kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả có liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc và kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	412.840.748	482.132.554
Tiền gửi ngân hàng	343.762.030	4.153.696.346
<b>Cộng</b>	<b>756.602.778</b>	<b>4.635.828.900</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09A-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<b>30/06/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty CP Xi măng Dầu khí Nghệ An	9.407.182.056	9.407.182.056
Ban điều hành dự án Thủy điện Hòa Na	2.650.762.148	2.650.762.148
Công ty CP Xây lắp Dầu khí số 1 Nghệ An	2.529.859.000	2.529.859.000
BQLDL Dầu khí Vũng Áng Quảng Trạch	2.509.561.230	2.509.561.230
Tiền Bán Nhà Chung Cư toà nhà Dầu khí	2.250.592.977	2.250.592.977
Công ty CP Xây dựng Công Nghiệp và Dân	2.106.049.522	4.409.958.516
Các đối tượng khác	27.374.484.072	29.953.990.302
<b>Cộng</b>	<b>48.828.491.005</b>	<b>53.711.906.229</b>

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>30/06/2016</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Xây dựng Thanh Sơn	2.427.354.500	2.427.354.500
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu Khí Việt Nam	2.249.833.999	2.249.833.999
Trung tâm Công nghệ ĐT và HT việc làm - Đại học Quốc gia Hà Nội	1.691.669.667	1.691.669.667
Công ty CP Xây dựng & Đầu tư Phát triển Hạ tầng số 6	1.279.356.479	1.279.356.479
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí số 1	1.000.000.000	1.000.000.000
Các khoản trả trước cho người bán khác	31.393.511.482	31.443.511.482
<b>Cộng</b>	<b>40.041.726.127</b>	<b>40.091.726.127</b>

**4. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<b>30/06/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Cho vay ngắn hạn</b>		
- Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu Khí số 1 Nghệ An	7.353.069.383	7.353.069.383
- Công ty CP Khoáng sản Xây dựng Dầu khí Nghệ an	18.029.000.000	18.029.000.000
- Công ty CP Xây dựng Hạ tầng Dầu khí Nghệ An	4.208.088.307	4.208.088.307
- Công ty CP PVLAND	2.465.823.499	2.465.823.499
- Cho vay các đối tượng khác	5.644.649.775	5.744.649.775
<b>Cộng</b>	<b>37.700.630.964</b>	<b>37.800.630.964</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MÃ SỐ B 09A-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ(TIẾP THEO)**

**5. Phải thu khác**

	<b>30/06/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Tạm ứng	10.729.827.642	10.645.922.709
Phải thu các nhà thầu phụ dự án KCN Hoàng Mai	68.133.210.193	68.133.210.193
Các khoản ứng trước, chi hộ đơn vị thi công	122.540.271.650	122.540.271.650
Phải thu về chuyển nhượng cổ phần	27.661.520.000	23.917.148.000
Cách khoản phải thu khác	15.162.198.354	8.494.576.985
<b>Cộng</b>	<b>244.227.027.839</b>	<b>233.731.129.537</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Phải thu về bán cổ phần {i}	159.745.506.000	165.662.044.000
<b>Cộng</b>	<b>159.745.506.000</b>	<b>165.662.044.000</b>

{i} Trong năm 2015, Công ty bán cổ phần tại Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí Nghệ An (PX1) cho Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Phát Vissai. Tiền bán cổ phần được thanh toán trong vòng 15 năm, mỗi năm 12 kỳ, mỗi kỳ là 1 tháng, số tiền hàng kỳ là 986.083.000 đồng.

**6. Chi phí trả trước**

	<b>30/06/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	327.582.857	267.653.545
- Chi phí chưa kết chuyển	1.893.116.165	1.893.116.165
<b>Cộng</b>	<b>2.220.699.022</b>	<b>2.160.769.710</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	1.435.153.840	668.000.000
- Chi phí chưa kết chuyển	16.368.542.692	15.419.577.738
<b>Cộng</b>	<b>17.803.696.532</b>	<b>16.087.577.738</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09A-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**7. Nợ xấu**

	30/06/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Quá hạn thanh toán	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Quá hạn thanh toán
	VND	VND		VND	VND	
Công ty CP Đầu tư Dầu khí VIP Việt Nam	68.133.210.193	68.133.210.193	Trên 3 năm	68.133.210.193	68.133.210.193	Từ 2-3 năm
Công ty CP Khoáng sản Xây dựng Dầu khí Nghệ An	16.243.627.096	16.243.627.096	Trên 3 năm	16.243.627.096	16.243.627.096	Từ 2-3 năm
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu Khí số 1 Nghệ An	17.013.433.300	17.013.433.300	Trên 3 năm	17.013.433.300	17.013.433.300	Từ 2-3 năm
Công ty CP Xây dựng Hạ tầng Dầu khí Nghệ An	11.613.167.663	11.613.167.663	Trên 3 năm	11.613.167.663	11.613.167.663	Từ 2-3 năm
BĐH Dự án NM xi măng 12/9 Anh Sơn	9.961.517.506	9.961.517.506	Trên 3 năm	9.961.517.506	9.961.517.506	Từ 2-3 năm
Công ty CP XM dầu khí 12/9 Nghệ An	8.036.087.000	8.036.087.000	Trên 3 năm	8.036.087.000	8.036.087.000	Trên 3 năm
Tổng Công ty hợp tác kinh tế Việt Lào	4.500.000.000	4.500.000.000	Trên 3 năm	4.500.000.000	4.500.000.000	Từ 2-3 năm
Ban Điều hành dự án thủy điện Hủa Na	2.650.762.148	2.650.762.148	Trên 3 năm	2.650.762.148	2.650.762.148	Từ 2-3 năm
Tiền Bán Nhà Chung Cư toà nhà dầu khí	2.250.592.977	2.250.592.977	Trên 3 năm	2.250.592.977	2.250.592.977	Từ 2-3 năm
BQLĐL Dầu khí Vũng Áng Quảng Trạch	2.509.561.230	2.509.561.230	Trên 3 năm	2.509.561.230	2.509.561.230	Từ 2-3 năm
Ký túc xá Đại học Vinh	2.529.859.000	2.529.859.000	Trên 3 năm	2.529.859.000	2.529.859.000	Từ 2-3 năm
Công trình khí hóa lỏng	2.509.361.230	2.509.361.230	Trên 3 năm	2.509.361.230	2.509.361.230	Từ 2-3 năm
Phan Mạnh Hùng	2.000.000.000	2.000.000.000	Trên 3 năm	2.000.000.000	2.000.000.000	Từ 2-3 năm
Công ty CP Đầu tư đô thị Dầu khí Cửa Lò	1.274.875.901	1.274.875.901	Trên 3 năm	1.274.875.901	1.274.875.901	Từ 2-3 năm
Công ty Cổ phần T&T	1.072.685.791	1.072.685.791	Trên 3 năm	1.072.685.791	1.072.685.791	Từ 2-3 năm
Các đối tượng khác	24.034.691.497	24.034.691.497	Trên 3 năm	13.855.675.139	13.855.675.139	Từ 2-3 năm
<b>Cộng</b>	<b>176.333.432.532</b>	<b>176.333.432.532</b>		<b>166.154.416.174</b>	<b>166.154.416.174</b>	



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

MẪU SỐ B 09A-DN/HN

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**8. Hàng tồn kho**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.037.174.025	-	3.045.860.753	-
Công cụ, dụng cụ	113.222.867	-	1.676.663.660	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	83.065.812.688	-	81.408.735.531	-
Thành phẩm bất động sản	1.597.332.798	-	1.597.332.798	-
Hàng hoá	2.991.767.878	-	2.991.767.878	-
<b>Cộng</b>	<b>90.805.310.256</b>	<b>-</b>	<b>90.720.360.620</b>	<b>-</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09A-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ(TIẾP THEO)**

**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại 01/01/2016	49.538.008.358	9.933.109.452	1.864.454.604	5.967.836.031	8.749.884.256	76.053.292.701
Tại 30/06/2016	49.538.008.358	9.933.109.452	1.864.454.604	5.967.836.031	8.749.884.256	76.053.292.701
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại 01/01/2016	16.822.412.433	7.961.410.442	1.337.770.103	4.119.396.886	5.903.590.060	36.144.579.924
Khấu hao trong kỳ	730.429.308	22.390.031	-	510.664.182	91.439.176	1.354.922.697
Tại 30/06/2016	17.552.841.741	7.983.800.473	1.337.770.103	4.630.061.068	5.995.029.236	37.499.502.621
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại 01/01/2016	32.715.595.925	1.971.699.010	526.684.501	1.848.439.145	2.846.294.196	39.908.712.777
Tại 30/06/2016	31.985.166.617	1.949.308.979	526.684.501	1.337.774.963	2.754.855.020	38.553.790.080



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09A-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**10. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại 01/01/2016	1.509.038.220	1.509.038.220
<b>Tại 30/06/2016</b>	<b>1.509.038.220</b>	<b>1.509.038.220</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại 01/01/2016	1.154.221.752	1.154.221.752
Khấu hao trong kỳ	139.304.622	139.304.622
<b>Tại 30/06/2016</b>	<b>1.293.526.374</b>	<b>1.293.526.374</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại 01/01/2016	<b>354.816.468</b>	<b>354.816.468</b>
Tại 30/06/2016	<b>215.511.846</b>	<b>215.511.846</b>

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/06/2016 VND	01/01/2015 VND
Dự án khu nhà ở tại Thị trấn Quỳnh Hợp	1.015.007.615	1.015.007.615
Xây dựng cơ bản khác	656.226.295	656.226.295
<b>Cộng</b>	<b>1.671.233.910</b>	<b>1.671.233.910</b>

**12. Lợi thế thương mại**

<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 01/01/2016	23.628.991.472
Tại ngày 30/06/2016	23.628.991.472
<b>Hao mòn</b>	
Tại ngày 01/01/2016	13.825.887.962
Khấu hao trong kỳ	1.181.449.573
Tại ngày 30/06/2016	15.007.337.535
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 01/01/2016	16.140.431.245
Tại ngày 30/06/2016	8.621.653.937



**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**13. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	30/06/2016		01/01/2015	
	Số lượng cổ phần	Giá trị VND	Số lượng cổ phần	Giá trị VND
<b>Công ty liên kết</b>				
Công ty CP Đầu tư Đô thị Dầu khí Cửa Lò (i)	127.488	1.274.875.901	127.488	1.274.875.901
<b>Công ty liên doanh</b>				
Công ty CP Đầu tư Đô thị Dầu khí Quang Trung (ii)	-	10.500.019.800	-	10.500.019.800
<b>Cộng</b>		<b>11.774.895.701</b>		<b>11.774.895.701</b>

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 cần được trình bày và được xác định giá trị hợp lý trên cơ sở giá niêm yết của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ. Tuy nhiên do các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty này tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 chưa thể xác định được để trình bày trên thuyết minh Báo cáo tài chính riêng theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

- (i) Công ty Cổ phần Đầu tư Đô thị dầu khí Cửa Lò có vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 220 tỷ đồng, trong đó tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An là 49%. Đến thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2016, Công ty chưa góp đủ vốn theo tiến độ. Tỷ lệ góp vốn thực tế của Công ty là 0,58%. Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2016 theo thông báo của Cục thuế tỉnh Nghệ An công ty đã ngừng hoạt động.
- (ii) Hợp đồng liên doanh giữa Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An với Công ty Cổ phần Đầu tư Đô thị Dầu khí Quang Trung để thực hiện Đầu tư Dự án Cải tạo khu A - Khu chung cư Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An với tổng số vốn đầu tư của dự án là 935,4 tỷ đồng. Việc đầu tư góp vốn được thực hiện theo từng giai đoạn, trong đó giai đoạn 01 Công ty góp vốn với tỷ lệ là 17,5%, tương ứng với 10.500.019.800 đồng. Các giai đoạn góp vốn tiếp theo sẽ phụ thuộc vào tiến độ dự án và theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09A-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty CP Thiết bị Phụ tùng	34.406.131.250	34.406.131.250	34.406.131.250	34.406.131.250
Công ty CP Thi công cơ giới và Lắp máy dầu khí	12.095.878.785	12.095.878.785	12.095.878.785	12.095.878.785
Công ty CP Đầu tư Xây dựng E CON	6.048.450.498	6.048.450.498	6.048.450.498	6.048.450.498
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền trung	4.211.247.736	4.211.247.736	4.211.247.736	4.211.247.736
Công ty CP Đầu Tư Xây lắp Dầu Khí Số 1	12.919.128.348	12.919.128.348	12.919.128.348	12.919.128.348
Công ty CP ĐT Xây dựng Bạch Đằng TMC	4.069.236.874	4.069.236.874	4.069.236.874	4.069.236.874
BĐHDA Thủy điện Hòa Na	3.360.596.089	3.360.596.089	3.360.596.089	3.360.596.089
Phải trả nhà cung cấp khác	67.879.989.848	67.879.989.848	68.255.399.563	68.255.399.563
<b>Cộng</b>	<b>144.990.659.428</b>	<b>144.990.659.428</b>	<b>145.366.069.143</b>	<b>145.366.069.143</b>
<b>b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>				
Công ty CP Thiết bị Phụ tùng	34.406.131.250	34.406.131.250	34.406.131.250	34.406.131.250
Công ty CP Thi công cơ giới và Lắp máy dầu khí	12.095.878.785	12.095.878.785	12.095.878.785	12.095.878.785
Công ty CP Đầu tư Xây dựng E CON	6.048.450.498	6.048.450.498	6.048.450.498	6.048.450.498
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền trung	4.211.247.736	4.211.247.736	4.211.247.736	4.211.247.736
Công ty CP Đầu Tư Xây lắp Dầu Khí Số 1	5.755.894.698	5.755.894.698	5.755.894.698	5.755.894.698
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bạch Đằng TMC	4.069.236.874	4.069.236.874	4.069.236.874	4.069.236.874
BĐHDA thủy điện Hòa Na	3.360.596.089	3.360.596.089	3.360.596.089	3.360.596.089
Các đối tượng khác	31.016.386.652	31.016.386.652	31.016.386.652	31.016.386.652
<b>Cộng</b>	<b>100.963.822.582</b>	<b>100.963.822.582</b>	<b>100.963.822.582</b>	<b>100.963.822.582</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09A-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	30/06/2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	01/01/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	6.142.016.738	40.622.699	70.000.000	6.171.394.039
Thuế thu nhập doanh nghiệp	316.286.835	-	-	316.286.835
Thuế thu nhập cá nhân	179.787.926	-	-	179.787.926
Thuế tài nguyên	5.625	33.750	28.125	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	2.260.004.500	263.224.500	462.573.000	2.459.353.000
Thuế bảo vệ môi trường	64.080.352	55.939.352	-	8.141.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	9.474.561.368	652.183.539	-	8.822.377.829
<b>Cộng</b>	<b>18.436.743.344</b>	<b>1.012.003.840</b>	<b>532.601.125</b>	<b>17.957.340.629</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09A-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
BQLĐL Dầu khí Vũng Áng Quảng Trạch	47.884.299.748	47.884.299.748
Công ty CP Xi măng Dầu khí Nghệ An	36.414.704.400	36.414.704.400
Trường ĐH Vinh	3.113.866.000	3.113.866.000
Công ty CP Khoáng sản Xây dựng Dầu khí NA	2.950.000.000	2.950.000.000
Các khoản người mua trả tiền trước khác	39.600.361.389	36.790.361.389
<b>Cộng</b>	<b>129.963.231.537</b>	<b>127.153.231.537</b>

**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Trích trước chi phí sản xuất kinh doanh	6.277.673.317	6.277.673.317
Chi phí lãi vay	24.055.150.647	24.055.150.647
<b>Cộng</b>	<b>30.332.823.964</b>	<b>30.332.823.964</b>

**18. Phải trả khác**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	385.437.366	380.451.886
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, bảo hiểm TN	11.104.213.907	10.090.228.264
Các khoản phải trả, phải nộp khác	75.926.070.699	70.883.647.694
- Phải trả về mua cổ phần	15.777.368.000	11.832.996.000
- Phải trả các khoản chi hộ	56.014.306.925	56.014.306.925
- Các khoản phải trả khác	4.134.395.774	3.036.344.769
<b>Cộng</b>	<b>87.415.721.972</b>	<b>81.354.327.844</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Phải trả về mua cổ phần	155.766.316.410	161.682.854.410
IDICO Long Sơn	5.919.758.444	5.919.758.444
Kinh phí đào tạo	5.950.696.918	5.950.696.918
Phải trả dài hạn khác	632.996.470	632.996.470
<b>Cộng</b>	<b>168.269.768.242</b>	<b>174.186.306.242</b>
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>		
Phải trả các khoản chi hộ	52.063.942.111	52.063.942.111
Các khoản phải trả khác	1.898.342.097	1.898.342.097
<b>Cộng</b>	<b>53.962.284.208</b>	<b>53.962.284.208</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09A-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**19. Vay và nợ ngắn hạn**

	30/06/2016		Trong kỳ		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả
	VND	năng trả nợ VND	VND	VND	VND	năng trả nợ VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An (i)	309.345.221	309.345.221	-	3.694.395.757	4.003.740.978	4.003.740.978
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Nghệ An (ii)	9.266.784.613	9.266.784.613	-	-	9.266.784.613	9.266.784.613
Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Vinh (iii)	6.192.073.924	6.192.073.924	-	-	6.192.073.924	6.192.073.924
Tổng công ty CP Xây lắp Dầu Khí Việt Nam (iv)	22.623.638.889	22.623.638.889	-	-	22.623.638.889	22.623.638.889
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - CN Thanh Hóa (v)	2.939.354.716	2.939.354.716	-	-	2.939.354.716	2.939.354.716
Vay đối tượng khác (vi)	39.053.127.668	39.053.127.668	4.548.000.000	5.692.345.221	40.197.472.889	40.197.472.889
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>80.384.325.031</b>	<b>80.384.325.031</b>	<b>4.548.000.000</b>	<b>9.386.740.978</b>	<b>85.223.066.009</b>	<b>85.223.066.009</b>

- (i) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An theo các hợp đồng số 01/2010/HĐ, số 02/2010/HĐ, số 03/2010/HĐ, số 04/2010/HĐ và 01/2009/HĐ để phục vụ dự án Đầu tư thiết bị thi công xây lắp của Công ty. Thời hạn vay dưới 5 năm, lãi suất vay là 15%/năm và thay đổi theo quy định của Ngân hàng. Thế chấp tài sản được hình thành từ vốn vay và vốn tự có đã đầu tư vào dự án.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Nghệ An theo Hợp đồng số 01/2011/HĐTD/PVNC ngày 25 tháng 10 năm 2011, với hạn mức tín dụng là 10.000.000.000 đồng. Lãi suất vay là lãi ngân hàng tại thời điểm vay. Lãi suất được điều chỉnh theo lãi suất biến động của BIDV trong từng thời kỳ. Thời hạn theo từng khế ước vay thông thường từ 06 tháng đến 12 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ các tài sản hình thành từ vốn vay.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09A-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**19. Vay và nợ dài hạn**

- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Vinh theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 0005/2013/HDDTD1-OCEANBANK 17 ngày 5 tháng 2 năm 2013 với số tiền cho vay là 12.300.000.000 đồng. Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng, lãi suất vay áp dụng là 15%/năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Nợ gốc trả hết trong vòng 12 tháng, trả lãi vào ngày 08 hàng tháng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổng giá trị tài sản thế chấp của bên vay tiền là 9.000.146.946 đồng.
- (iv) Vay ngắn hạn Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam với hạn mức tín dụng là 22.623.638.889 đồng, nhằm trả tiền chuyển nhượng cổ phần. Khoản vay này chịu lãi suất 5,5%/năm. Khoản vay trên được đảm bảo bởi hình thức tín chấp.
- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa (tiền thân là Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa) theo hợp đồng số 032/2009/HĐTD/PVFCTH ngày 12 tháng 08 năm 2009 để đầu tư máy móc thiết bị. Tổng số tiền vay không vượt quá 8.955.000.000 đồng. Thời hạn vay là 60 tháng. Lãi suất tính theo lãi suất do bên cho vay công bố tại thời điểm rút vốn.
- (vi) Vay cá nhân có thời hạn vay dưới 1 năm, lãi suất thỏa thuận theo từng hợp đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09A-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**20. Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2015	218.460.000.000	5.000.000.000	380.952.382	25.348.179.022	(224.105.429.803)	9.486.826.184	34.570.527.785
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	(27.986.290.428)	(67.712.517)	(28.054.002.945)
Thoái vốn tại Công ty con	-	-	-	(1.894.496.435)	1.894.496.435	(6.947.773.187)	(6.947.773.187)
Số dư tại ngày 31/12/2015	218.460.000.000	5.000.000.000	380.952.382	23.453.682.587	(250.197.223.796)	2.471.340.480	(431.248.347)
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	(4.609.149.682)	-	(4.609.149.682)
Số dư tại ngày 30/06/2016	218.460.000.000	5.000.000.000	380.952.382	23.453.682.587	(254.806.373.478)	2.471.340.480	(5.040.398.029)



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**21. Bộ phận theo khu vực địa lý và bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại Tòa nhà Dầu khí, số 07 Quang Trung, thành phố Vinh, Nghệ An. Đồng thời, Công ty có các công ty con đặt trụ sở tại Nghệ An và Hà Tĩnh. Tuy nhiên, trong giai đoạn hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến 30 tháng 06 năm 2016 Công ty con đặt trụ sở tại Hà Tĩnh không có doanh thu. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động - Bộ phận bất động sản, Bộ phận xây lắp và bộ phận bán hàng và cung cấp dịch vụ. Tuy nhiên, trong giai đoạn hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 chỉ có mỗi bộ phận bán hàng và cung cấp dịch vụ có doanh thu. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực kinh doanh theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>511.819.977</b>	<b>76.136.123.885</b>
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511.819.977	39.567.285.386
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	36.568.838.499
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
- Giảm giá hàng bán	-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>511.819.977</b>	<b>76.136.123.885</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	406.979.018	32.753.464.587
Giá vốn hoạt động xây lắp	-	35.876.632.373
<b>Cộng</b>	<b>406.979.018</b>	<b>68.630.096.960</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.148.877	4.047.429.568
<b>Cộng</b>	<b>1.148.877</b>	<b>4.047.429.568</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Chi phí lãi vay	318.288.233	12.971.013.914
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư	-	15.423.817.385
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(15.258.311.933)
<b>Cộng</b>	<b>318.288.233</b>	<b>13.136.519.366</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09A-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	1.300.000.000	-
Chi phí nhân viên quản lý	1.319.394.585	2.585.402.776
Chi phí công cụ, dụng cụ	-	1.092.282.868
Khấu hao tài sản cố định	708.749.516	2.047.334.014
Thuế, phí, lệ phí	5.000.000	1.242.339.628
Phân bổ lợi thuế thương mại	1.181.449.573	1.181.449.574
Dịch vụ mua ngoài	-	1.035.841.577
Chi phí bằng tiền khác	580.339.157	1.701.826.904
<b>Cộng</b>	<b>5.094.932.831</b>	<b>10.886.477.341</b>

**6. Thu nhập khác**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản	-	7.616.713.695
Các khoản thu khác	698.481.546	3.642.673.708
<b>Cộng</b>	<b>698.481.546</b>	<b>11.259.387.403</b>

**7. Chi phí khác**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Các khoản phạt hành chính	400.000	300.600
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	-	2.075.979.318
Các khoản chi khác	-	2.776.439.414
<b>Cộng</b>	<b>400.000</b>	<b>4.852.719.332</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09A-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN</b>	<b>(4.609.149.682)</b>	<b>(8.025.443.635)</b>
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính	-	-
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
<b>Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>(4.609.149.682)</b>	<b>(8.025.443.635)</b>
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	21.846.000	21.846.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(211)</b>	<b>(367)</b>
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09A-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**VII. THÔNG TIN KHÁC**

**1. Công cụ tài chính**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.18 và V.19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Các khoản vay	80.384.325.031	85.223.066.009
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	756.602.778	4.635.828.900
Nợ thuần	79.627.722.253	80.587.237.109
Vốn chủ sở hữu	(5.040.398.029)	(431.248.347)
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>(15,80)</b>	<b>(187)</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh IV.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	756.602.778	4.635.828.900
Phải thu khách hàng và phải thu khác	484.888.753.523	719.455.231.233
<b>Cộng</b>	<b>485.645.356.301</b>	<b>724.091.060.133</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay và nợ	80.384.325.031	85.223.066.009
Phải trả người bán và phải trả khác	400.676.149.642	400.906.703.229
Chi phí phải trả	30.332.823.964	30.332.823.964
<b>Cộng</b>	<b>511.393.298.637</b>	<b>516.462.593.202</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09A-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

***Quản lý rủi ro tỷ giá***

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tuy nhiên, Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất là không đáng kể.

***Quản lý rủi ro lãi suất***

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

***Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu***

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là thấp.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MÃU SỐ B 09A-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu (Tiếp theo)*

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào Công ty con và Công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh. Các khoản đầu tư vào các Công ty con và Công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan tại Thuyết minh VI.2.

*Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09A-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
<b>30/06/2016</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	756.602.778	-	756.602.778
Phải thu khách hàng và phải thu khác	325.143.247.523	159.745.506.000	484.888.753.523
<b>Cộng</b>	<b>325.899.850.301</b>	<b>159.745.506.000</b>	<b>485.645.356.301</b>
<b>30/06/2016</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	232.406.381.400	168.269.768.242	400.676.149.642
Các khoản vay	80.384.325.031	-	80.384.325.031
Chi phí phải trả	30.332.823.964	-	30.332.823.964
<b>Cộng</b>	<b>343.123.530.395</b>	<b>168.269.768.242</b>	<b>511.393.298.637</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(17.223.680.094)</b>	<b>(8.524.262.242)</b>	<b>(25.747.942.336)</b>
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
<b>01/01/2016</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.635.828.900	-	4.635.828.900
Phải thu khách hàng và phải thu khác	553.793.187.233	165.662.044.000	719.455.231.233
<b>Cộng</b>	<b>558.429.016.133</b>	<b>165.662.044.000</b>	<b>724.091.060.133</b>
<b>01/01/2016</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	226.720.396.987	174.186.306.242	400.906.703.229
Chi phí phải trả	30.332.823.964	-	30.332.823.964
Các khoản vay	85.223.066.009	-	85.223.066.009
<b>Cộng</b>	<b>342.276.286.960</b>	<b>174.186.306.242</b>	<b>516.462.593.202</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>216.152.729.173</b>	<b>(8.524.262.242)</b>	<b>207.628.466.931</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức cao. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09A-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**2. Giao dịch với bên liên quan**

Trong năm, Công ty không phát sinh các giao dịch với các công ty liên kết.

**Thu nhập và các khoản vay của Ban Giám đốc**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Lương và Thù lao Hội đồng quản trị	267.535.868	98.400.000
Cộng	<u>267.535.868</u>	<u>98.400.000</u>

**3. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2016 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**4. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 chưa được soát xét.



Nguyễn Ngọc Bằng  
Tổng Giám đốc  
Ngày 29 tháng 08 năm 2016

Nguyễn Văn Phúc  
Kế toán trưởng

Trần Thị Hồng Anh  
Người lập